

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
tỉnh An Giang đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1070/TTr-SKHCHN ngày 05 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;
- TT.UBND tỉnh, Cục SHTT;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- P.KTN, P.HCTC;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Thư

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 2338 /QĐ-UBND

ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho địa phương.

b) Nâng cao nhận thức xã hội về tài sản trí tuệ, vai trò của sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhất là trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức và cá nhân về tài sản trí tuệ.

c) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng kết quả nghiên cứu và tăng cường hiệu quả bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ hoạt động kiểm soát nguồn gốc, chất lượng, phát triển sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo chuỗi giá trị.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Tuyên truyền, tập huấn về phát triển tài sản trí tuệ cho trên 2.000 lượt đại biểu là đại diện sở, ban, ngành, đoàn thể, các hội, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng 85% yêu cầu về tư vấn, hướng dẫn ít nhất 250 lượt tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ ít nhất 250 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó: 215 nhãn hiệu cá thể, 05 nhãn hiệu tập thể, 05 nhãn hiệu chứng nhận/chỉ dẫn địa lý, 10 kiểu dáng công nghiệp, 10 sáng chế/giải pháp hữu ích, 05 giống cây trồng mới đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới.

- 95% trường đại học, trường cao đẳng, trường trung học, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Tối thiểu 30% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

b) Đến năm 2030

- Tuyên truyền, tập huấn về phát triển tài sản trí tuệ cho trên 3.000 lượt đại biểu là đại diện sở, ban, ngành, đoàn thể, các hội, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng 90% yêu cầu về tư vấn, hướng dẫn ít nhất 250 lượt tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ ít nhất 300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó: 255 nhãn hiệu cá thể, 05 nhãn hiệu tập thể, 05 nhãn hiệu chứng nhận/chỉ dẫn địa lý, 15 kiểu dáng công nghiệp, 10 sáng chế/giải pháp hữu ích, 10 giống cây trồng mới đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới.

- Số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tăng trung bình 5%/năm, nhãn hiệu tăng trung bình 10%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 5%/năm.

- Tối thiểu 40% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Đáp ứng 100% các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh đã được cấp văn bằng/giấy chứng nhận bảo hộ, sản phẩm OCOP có nhu cầu đều được hỗ trợ để quảng bá xúc tiến thương mại tại các kỳ hội chợ trong nước.

- Hỗ trợ khai thác, áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu.

- Củng cố và phát huy giá trị các nhãn hiệu đặc sản đã được xây dựng ở các giai đoạn trước chưa được đưa vào khai thác sử dụng và phát triển.

- Đến năm 2030 có trên 50% sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý theo Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021.

II. NỘI DUNG

1. Hỗ trợ tra cứu, tư vấn, hướng dẫn thủ tục; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động đăng ký xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển giá trị tài sản trí tuệ.

2. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật sở hữu trí tuệ qua các hình thức: đào tạo, tập huấn, hội thảo, tọa đàm; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân, cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học, ... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới của tổ chức, cá nhân đã thực hiện thủ tục tra cứu và nộp đơn đăng ký bảo hộ.

Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ, xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới để phát triển tài sản trí tuệ.

4. Hỗ trợ kinh phí tham gia trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại các hội chợ thương mại, chợ thiết bị công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích quảng bá, khai thác, phát triển giá trị sản phẩm.

Hỗ trợ sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý khai thác và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia để quảng bá, thương mại hóa sản phẩm.

5. Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

6. Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng sở hữu trí tuệ. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cho hệ thống cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

7. Hỗ trợ, hướng dẫn tra cứu, khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ cho tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khai thác, ứng dụng thông tin khoa học - công nghệ, đặc biệt là cung cấp thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích phục vụ nghiên cứu, triển khai nhằm tạo ra các công nghệ và sản phẩm mới.

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Chương trình áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang. Ưu tiên doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có địa chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trí tuệ hoặc được Nhà nước ủy quyền quản lý tài sản trí tuệ.

d) Hỗ trợ đối tượng quyền sở hữu trí tuệ gồm: nhãn hiệu cá thể, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới về chi phí nộp đơn đăng ký, phát triển tài sản trí tuệ; nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh.

đ) Tổ chức xét duyệt các hồ sơ đăng ký khi có nhu cầu gửi đến.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp phải được cấp văn bằng; đối với sáng chế/giải pháp hữu ích, bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới thì phải nộp đơn đăng ký bảo hộ.

b) Đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý thực hiện như nhiệm vụ khoa học công nghệ dưới dạng dự án, trong đó ưu tiên các nhãn hiệu đặc sản đã được xây dựng trong các giai đoạn trước mà chưa được đưa vào khai thác sử dụng, quản lý, phát triển.

c) Ưu tiên hỗ trợ các giải pháp đạt giải Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc hoặc cấp tỉnh hàng năm, các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

d) Đối với sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh phải được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận 3 sao, 4 sao.

3. Những quy định khác:

Chương trình này không xem xét hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã được hỗ trợ ở chương trình hoặc chính sách hỗ trợ khác đối với những nội dung tương tự.

IV. KINH PHÍ, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ, SỐ LƯỢNG HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí được chi từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh, từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

2. Định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ:

Thực hiện theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đến năm 2030, cụ thể:

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 24 triệu đồng/đơn;

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 12 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài (khi đã đăng ký bảo hộ trong nước): 48 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

3. Số lượng hồ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: không quá 03 văn bằng/cơ sở/năm và không quá 15 đơn/doanh nghiệp/năm.

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: không quá 02 đơn/tổ chức hoặc cá nhân/năm.

b) Đăng ký tại nước ngoài

Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho đơn kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: hồ trợ theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ ở nước ngoài.

V. NỘI DUNG CHI CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung chi cho các hoạt động chung của Chương trình:

a) Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia chương trình; hoạt động thường xuyên, văn phòng phẩm; thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ.

b) Xây dựng, phát hành các tài liệu, clip phóng sự, thiết kế giao diện quản trị tài sản trí tuệ.

c) Chi tổ chức họp, hội nghị, hội thảo; đào tạo, tập huấn.

d) Chi tổ chức học tập kinh nghiệm, tham quan các mô hình quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

đ) Chi điều tra, khảo sát để đánh giá tiềm năng phát triển của các đối tượng sở hữu trí tuệ.

e) Chi hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ và công nhận giống cây trồng mới.

g) Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, họp thẩm định nội dung và kinh phí, kiểm tra tiến độ và đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

h) Tổ chức xét duyệt hồ trợ kinh phí trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

i) Chi hỗ trợ kinh phí trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gồm: các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban Tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan).

k) Chi tăng cường hiệu quả các hoạt động quản lý, thực thi quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác về sở hữu trí tuệ: ngân sách hỗ trợ 100% kinh phí tăng cường hiệu quả các hoạt động quản lý, thực thi quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác về sở hữu trí tuệ không vượt quá 70 triệu đồng/nội dung, gồm: kinh phí tổ chức thanh kiểm tra hàng năm; kinh phí tổ chức các hoạt động khảo sát, trao đổi kinh nghiệm quản lý, phát triển tài sản trí tuệ.

l) Các chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động của Chương trình.

m) Chi vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

2. Nội dung chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dự án hỗ trợ) thuộc Chương trình

a) Tập trung triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dự án) nhằm hỗ trợ đăng ký bảo hộ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh.

b) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do địa phương, doanh nghiệp, tổ chức đề xuất.

3. Nội dung khác

a) Hằng năm, hỗ trợ chi phí thuê gian hàng chuẩn cho cơ sở, doanh nghiệp có sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (không quá 24 tháng tính từ ngày nộp đơn đăng ký) tham gia Hội chợ trong và ngoài tỉnh, nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/gian hàng (theo hóa đơn của Ban Tổ chức Hội chợ và cơ sở nhưng doanh nghiệp chưa nhận bất kỳ sự hỗ trợ nào từ ngân sách Nhà nước cho chi phí thuê gian hàng).

b) Hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/sự kiện và không quá 02 sự kiện/sản phẩm/tổ chức, cá nhân.

c) Hỗ trợ chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

4. Quy định chung Chương trình

a) Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện đối với mỗi nhiệm vụ sẽ do Hội đồng khoa học công nghệ tỉnh (gọi tắt là Hội đồng) xem xét, đánh giá các nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ cho từng nhiệm vụ; đồng thời, tổ chức Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện sau khi kết thúc nhiệm vụ (áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030).

b) Mỗi nhiệm vụ có thể bao gồm nhiều nội dung (xây dựng khai thác sử dụng, công cụ quản lý như liên quan lĩnh vực áp dụng nhiệm vụ, phương tiện để

phát triển như tuyên truyền quảng bá, chi phí khác liên quan phát triển quyền sở hữu trí tuệ ...), nhưng kinh phí hỗ trợ của từng nội dung phải được phân chia cụ thể, phù hợp với định mức hỗ trợ theo quy định này.

c) Thời gian thực hiện mỗi nhiệm vụ là 24 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

d) Việc triển khai hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thủ tục cấp phát, thanh quyết toán thuộc Chương trình thực hiện theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và các văn bản quy định khác có liên quan.

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Chương trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chung của Chương trình; quản lý và hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình. Là cơ quan đầu mối để các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ liên hệ.

b) Lập dự toán kinh phí hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hàng năm và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dự án) theo quy định.

c) Phối hợp với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Chương trình.

d) Hướng dẫn hồ sơ xem xét hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, triển khai hỗ trợ kinh phí, triển khai hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thủ tục cấp phát, thanh quyết toán thuộc Chương trình. Nghiên cứu xây dựng hoặc áp dụng và phê duyệt các biểu mẫu hỗ trợ đối với hồ sơ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình, biểu mẫu phục vụ cho công tác tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển

chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, tổ thẩm định nội dung và kinh phí, hội đồng kiểm tra tiến độ, đánh giá giữa kỳ, hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hướng dẫn khác trên cơ sở áp dụng các điều có liên quan theo quy định, trên cơ sở giảm đến mức thấp nhất các thủ tục không cần thiết.

đ) Tiếp nhận các đề xuất thực hiện nội dung của Chương trình dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức xét hỗ trợ theo thẩm quyền quy định; quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ theo nội dung hợp đồng giữa Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với định mức xây dựng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành; xem xét, phê duyệt yêu cầu điều chỉnh thời gian, nội dung, thay đổi chủ nhiệm, chủ trì thực hiện nhiệm vụ (nếu có); phối hợp với Sở Tài chính xem xét, phê duyệt yêu cầu điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có); thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, họp thẩm định nội dung (chỉ mời ủy viên phản biện trong trường hợp cần thiết) và kinh phí, kiểm tra tiến độ và đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với các dự án do UBND tỉnh phê duyệt, nếu trong quá trình thực hiện có vướng mắc cần xử lý, phải báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định chuyên môn và Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định thì dừng hỗ trợ kinh phí.

h) Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được áp dụng, sử dụng biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về việc quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản quy định khác có liên quan.

i) Đối với các sản phẩm, hoạt động của Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 bắt đầu thực hiện ngay sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Chương trình này.

k) Định kỳ ngày 15 tháng 12 hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình này. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2030 báo cáo tổng kết Chương trình và đề xuất nội dung thực hiện giai đoạn tiếp theo (nếu có).

2. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện Chương trình trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các Chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về Chương trình cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý tham gia Chương trình; đặc biệt giới thiệu, hỗ trợ cung cấp thông tin Chương trình đến các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP, chủ lực, đặc thù và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

b) Đề xuất nhu cầu, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo về sở hữu trí tuệ trong phạm vi Chương trình cho các địa phương, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các tác giả đoạt giải trong các kỳ hội thi, giải thưởng sáng tạo thuộc phạm vi quản lý.

c) Theo chức năng nhiệm vụ, tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, họp thẩm định nội dung và kinh phí, kiểm tra tiến độ và đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu nhiệm vụ khi có yêu cầu.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chương trình tại địa phương.

b) Bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền về chương trình, vận động doanh nghiệp tham gia chương trình và hỗ trợ thực hiện đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ của địa phương.

c) Phấn đấu mỗi địa phương đều có sản phẩm, dịch vụ hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ Chương trình; đến năm 2030, mỗi huyện, thị xã, thành phố tăng ít nhất 10% số đơn và văn bằng sở hữu công nghiệp được cấp so với năm 2020.

5. Viện, trường đại học, cao đẳng

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về Chương trình đến các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia Chương trình.

b) Đề xuất nhu cầu, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo về sở hữu trí tuệ, đăng ký chủ trì và triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi Chương trình.

6. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, các cơ quan báo, đài, Cổng thông tin điện tử tỉnh

a) Tích cực thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Chương trình và các chính sách liên quan đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

b) Thường xuyên cập nhật, đưa tin kịp thời các hoạt động liên quan đến Chương trình, các dự án được phê duyệt thực hiện, đặc biệt là những dự án về phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đạt hiệu quả cao.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thông tin, tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Chương trình.

7. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện cũng như có nhu cầu hỗ trợ

a) Chủ động liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tham gia các nội dung thuộc Chương trình.

b) Hoàn chỉnh và gửi đề nghị hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ để được xem xét hỗ trợ theo quy định. Tổ chức triển khai dự án được phê duyệt hỗ trợ theo quy định và chịu sự giám sát, đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai dự án.

c) Đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, đơn vị, triển khai theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí theo hợp đồng đã ký; báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ định kỳ 06 tháng, hàng năm. Nếu có hành vi gian lận thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ từ Chương trình và xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố có báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời tổng hợp, báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.